

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2019

V/v: “ Xin ly hôn, nuôi con ”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Nguyễn Văn Sáu

2/bà Nguyễn Thị Thu Trang

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không dự phiên tòa:

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11/3/2019 về việc “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 9/5/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị BT, sinh năm 1989 (có mặt)

ĐKKHKT: Tổ 5, ấp TT, xã TĐ, BT, Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thế K, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

ĐKKHKT: Tổ 5, ấp TT, xã TĐ, BT, Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 6/3/2019 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị BT trình bày: Vào năm 2007, Tôi và anh K cưới với nhau, hôn nhân do quen biết và có tìm hiểu trước, cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới. Nữ trang cưới không có. Chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện BT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Sau khi cưới, vợ chồng chúng tôi sống tại tổ 5, ấp TT, xã TĐ, huyện BT, tỉnh VL.

Thời gian đầu, Chúng tôi sống rất hạnh phúc được 12 năm và sinh được 1 con chung tên Nguyễn Thế V, sinh ngày 16/7/2009. Hiện cháu đang sống chung với anh K.

Trong thời gian chung sống chúng tôi không tạo lập ra tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng chúng tôi.

Về mâu thuẫn gia đình: Do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Chúng tôi ly thân với nhau từ tháng 6/2017

cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với anh Nguyễn Thế K. Về con chung: tên Nguyễn Thế V, sinh ngày 16/7/2009, tôi đồng ý để anh Nguyễn Thế K tiếp tục nuôi con chung, tôi không cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*Tại bản khai ngày 6/3/2019 của cháu Nguyễn Thế V trình bày: Cha và mẹ xin ly hôn con không có ý kiến gì, con xin được sống với cha. Con xin vắng mặt tất cả các phiên hòa giải và các phiên tòa.

* Anh Nguyễn Thế K vắng mặt không nộp bản khai trình bày ý kiến.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T trình bày: Do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Chúng tôi ly thân với nhau từ tháng 6/2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với anh Nguyễn Thế K. Về con chung: tên Nguyễn Thế V, sinh ngày 16/7/2009, tôi đồng ý để anh Nguyễn Thế K tiếp tục nuôi con chung, tôi không cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã TĐ, huyện BT, tỉnh VL và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh VL.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ lúc thụ lý đến khi xét xử: Anh Nguyễn Thế K vắng mặt không đến dự tất cả các phiên hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2007, chị Nguyễn Thị BT và anh Nguyễn Thế K kết hôn với nhau, cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Chị Th xác định ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T khởi kiện xin ly hôn anh K. Áp dụng Điều 9, 51, 53, 56

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị .

[4]Xét về con chung: Chị Nguyễn Thị BT và anh Nguyễn Thế K sống chung với nhau có 1 con chung tên Nguyễn Thế V, sinh ngày 16/7/2009, hiện tại cháu V đang sống chung với anh K. Chị T yêu cầu để cháu V tiếp tục sống chung với anh K, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Tại bản khai ngày 6/3/2019 của cháu Nguyễn Thế V trình bày thì cháu xin được sống với anh K. Do đó lời trình bày của cháu V phù hợp với yêu cầu của chị T nên để cho cháu V tiếp tục sống với anh K là phù hợp, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị BT được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng chị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T. Áp dụng vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị T.

[5]Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị BT và anh Nguyễn Thế K sống chung với nhau không tạo ra tài sản chung nên chị Nguyễn Thị BT không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Chị Nguyễn Thị Bé T nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015352 ngày 6/3/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện BT thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé T.

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị BT được ly hôn anh Nguyễn Thế K.

2/Về con chung: Anh Nguyễn Thế K tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thế V, sinh ngày 16/7/2009, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị BT được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng chị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T.

3/Về quan hệ tài sản: không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

-Chị Nguyễn Thị Bé T nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015352 ngày 6/3/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện BT thu.

5/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị BT được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Nguyễn Thế K biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú tuyên án

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKS Huyện;
- THA huyện;
- UBND xã Thành Đông,
- Huyện Bình Tân.
- các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thành Tự